BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
*****

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG TRUNG 1

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Không chuyên

Năm 2018

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
KHOA DU LỊCH VÀ NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 1

2. Mã học phần: TTRUNG201

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: không

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	nguyenhoa11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 13 bài học về các chủ điểm: Làm quen, hỏi họ tên, quốc tịch, hỏi địa điểm, xác nhận đồ vật, đổi tiền, mua bán, ăn uống…

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

- Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: cách phát âm, cách đọc biến âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán.

- Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, quốc tịch, hỏi địa điểm, xác nhận đồ vật, đổi tiền, mua bán, ăn uống…

- Ngữ pháp: Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在, 给, 几, 多少, cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng "吗", câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phản, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ,...

- Từ bài 1 đến bài 13 đều có kết cấu: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	**Kiến thức**		
MT1.1	Liệt kê từ vựng về các chủ đề: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống…	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp: Câu hỏi với trợ từ “吗”, câu hỏi sử dụng đại từ nghi vấn, câu vị ngữ động từ, vị ngữ hình dung từ, trợ từ “的”, tổ từ chữ “的”, cấu trúc giới từ “在” và “给”…	2	[1.2.1.1b]
MT2	**Kỹ năng**		
MT2.1	Nói, hội thoại được về các chủ đề giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Làm quen, hỏi họ tên, quốc tịch, hỏi địa điểm, xác nhận đồ vật, đổi tiền, mua bán, ăn uống…	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	- Nghe hiểu các đoạn hội thoại, độc thoại về các chủ điểm giao tiếp thông thường. - Đọc hiểu được các đoạn văn 100-150 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình như đoạn văn miêu tả bạn thân, bưu thiếp, nhận biết đồ vật, nơi chốn…	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	- Viết từ mới theo đúng quy tắc viết chữ Hán. - Viết được các đoạn văn 100 - 120 từ về các chủ điểm: giới thiệu bản thân, nhận biết đồ vật, mua bán…	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	**Mức tự chủ và trách nhiệm**		
MT3.1	Vận dụng các kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết	3	[1.2.3.1]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	**Kiến thức**		
CĐR1.1	Trình bày được cách đọc, cách viết, cách dùng của từ vựng về chủ đề bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống…	1	[2.1.3]
CĐR1.2	Giải thích được cách sử dụng các hiện tượng ngữ pháp có trong bài: câu hỏi với trợ từ “吗”, câu hỏi sử dụng đại từ nghi vấn, câu vị ngữ động từ, vị ngữ hình dung từ, trợ từ “的”, tổ từ chữ “的”, cấu trúc giới từ “在”và “给”…	2	
CĐR2	**Kỹ năng**		
CĐR2.1	Ứng dụng các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp để có thể giới thiệu được về bản thân (tên tuổi, quốc tịch, nơi ở…)	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng, phát âm đúng.	3	[2.2.8]
CĐR3	**Mức tự chủ và trách nhiệm**		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	第一课：你好	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	Bài 1: Xin chào! 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习							
2	**第二课：汉语不太难** **Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm.** 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
3	**第三 课 ： 明天见** **Bài 3: Ngày mai gặp lại!** 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
4	**第四课： 你去哪儿？** **Bài 4: Bạn đi đâu?** 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
5	**第五课: 这是王老师** **Bài 5: Đây là thầy Vương.**	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习							
6	**第六课：我学习汉语** **Bài 6: Tôi học tiếng Hán.** 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
7	**第七课: 你吃什么？** **Bài 7: Bạn ăn gì?** 一、课文 二、生词 三、注释 四、练习	x	x	x	x	x	x	x
8	**第八课: 苹果一斤多少钱** **Bài 8: Bao nhiêu tiền một cân táo?** 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
9	**第九课: 这个箱子很重** **Bài 9: Cái va li này rất nặng.** 一、课文 二、生词	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	三、注释 四、语音 五、练习							
10	**第十课: 他住哪儿?** **Bài 10: Anh ấy sống ở đâu?** 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x	x	x	x	x	x
11	**第十一课: 我们都是留学生** **Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh.** 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x	x
12	**第十二课: 你在哪儿学习?** **Bài 12: Bạn học ở đâu?** 一、课文 二、生词 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x	x
13	**第十三课: 这是不是中药** **Bài 13: Đây có phải là thuốc đông y**	x	x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	không ? 一、课文 二、生词 四、语法 五、语音 六、练习							

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	1 điểm Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ,… hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kĩ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về tiếng Trung cho người mới bắt đầu như Giáo trình hán ngữ tập 1 quyển thượng, giáo trình 301 câu đàm thọi tiếng Hoa

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập trong giáo trình, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và bài tập trước khi lên lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] *Giáo trình Hán ngữ 1 quyển thượng* – Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2016

- Tài liệu tham khảo:

[2] *汉语会话301 句*, Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, năm 2010

[3] *Giáo trình HSK 1*, Khương Lệ Bình, Nhà xuất bản Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, năm 2013

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	**第一课：你好** **Bài 1: Xin chào!** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe, việc học tiếng Hán. **Nội dung cụ thể:** 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习 **第二课：汉语不太难** **Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm** 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	2		[1] [2]	- Đọc trang 1 - 18 tài liệu [1] - Đọc trang 35 - 40 tài liệu [2] - Hoàn thành: （五）练习 trang 10 - 12, trang 16 - 18 tài liệu [1]
2	**第三 课: 明天见** **Bài 3: Hẹn gặp lại vào ngày mai**	2		[1] [2]	- Đọc trang 19 - 27 tài liệu [1] - Đọc trang 41 - 46 tài liệu [2]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại chào tạm biệt - Biết cách đáp lại lời xin lỗi **Nội dung cụ thể:** 一、 课文 （一）学汉语 （二）明天见 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习				- Hoàn thành: （五）练习 trang 24 – 27 tài liệu [1]
3	**第四 课：你去哪儿？** **Bài 4: Bạn đi đâu?** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại hỏi ai đó đi đâu đấy - Trình bày các danh từ chỉ địa điểm **Nội dung cụ thể:** 一、 课文 （一）你去哪儿 （二）对不起 二、生词 三、语音	2		[1]	- Đọc trang 28 - 36 tài liệu [1] - Hoàn thành: （五）练习 trang 33 - 36 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	四、注释 五、练习				
4	**第五课: 这是王老师** **Bài 5: Đây là thầy Vương** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu về người khác - Trình bày các từ vựng về chủ đề giới thiệu **Nội dung cụ thể:** 一、 课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	2		[1] [2]	- Đọc trang 37 - 45 tài liệu [1] - Đọc trang 61 - 67 tài liệu [2] - Hoàn thành: （五）练习 trang 41- 44 tài liệu [1]
5	**第六课：我学习汉语** **Bài 6: Tôi học tiếng Hán** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu bản thân, giới thiệu họ tên. - Liệt kê một số họ thường gặp ở Trung Quốc và Việt Nam **Nội dung cụ thể:** 一、课文 （一）我学习汉语	2		[1] [2]	- Đọc trang 46 - 55 tài liệu [1] - Đọc trang 54 - 60 tài liệu [2] - Hoàn thành: （五）练习 trang 51-55 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	（二）这是什么书？ 二、生词 三、注释 四、练习				
6	**第七课：你吃什么？** **Bài 7: Bạn ăn gì?** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về cách gọi món trong nhà ăn - Trình bày được tên một số món ăn **Nội dung cụ thể** 一、 课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	2		[1]	- Đọc trang 56 - 62 tài liệu [1] - Hoàn thành:（五）练习 trang 59 - 62 tài liệu [1]
7	**第八课：苹果一斤多少钱** **Bài 8: Bao nhiêu tiền một cân táo?** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại theo chủ đề mua sắm hoa quả - Trình bày được tên một số loại hoa quả và cách nói giá tiền trong tiếng Trung	2		[1] [2]	- Đọc trang 63 - 69 tài liệu [1] Trang 110 - 123 tài liệu [2] - Hoàn thành:（五）练习 trang 66 - 69 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习				
8	**Kiểm tra giữa học phần**	2		[1] [2]	Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 1 đến bài 8
9	**第九课：这个箱子很重** **Bài 9: Cái va li này rất nặng** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Biết miêu tả tính chất của một đồ vật. - Trình bày được tên một số đồ vật thông dụng hàng ngày - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về miêu tả đồ vật **Nội dung cụ thể** 一、 课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习	2		[1]	- Đọc trang 70 - 75 tài liệu [1] - Hoàn thành:（五）练习 trang 73 - 75 tài liệu [1]
10	**第十课：他住哪儿？** **Bài 10: Anh ấy sống ở đâu?** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Liệt kê được sáu thành phần câu tiếng Trung	2		[1] [2] [3]	- Đọc trang 76 - 85 tài liệu [1] - Đọc trang 64 tài liệu [2] - Đọc trang 100 tài liệu [3] - Hoàn thành:（五）练习 trang 82 - 85 tài liệu

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	- Biết cách sử dụng câu vị ngữ động từ - Trình bày được cách diễn đạt địa chỉ, số điện thoại trong tiếng Trung - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về nơi ở, hỏi số điện thoại **Nội dung cụ thể** 一、 课文 二、生词 三、语法 （一）汉语句子的语序 （二）动词谓语句 （三）号码的读法 四、语音 五、练习				[1]
11	**第十一课：我们都是留学生** **Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài. - Biết cách sử dụng phó từ “也”, “都”, câu hỏi với trợ từ “吗”, vị trí của trạng ngữ trong câu tiếng Trung. - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu về trường lớp. - Viết về việc học tiếng Trung của mình.	2		[1] [2] [3]	- Đọc trang 86 - 97 tài liệu [1] - Đọc trang 57, 68, 96 tài liệu [2] - Đọc trang 16, 108 tài liệu [3] - Hoàn thành:（六）练习 trang 92 – 97 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Nội dung cụ thể 一、 课文 （一）这位是王教授 （二）我们都是留学生 （三）你也是中国人吗？ 二、生词 三、注释 四、语法 （一）怎么问（1）：……吗？ （二）状语 （三）副词“也”和“都” 五、语音 六、练习				
12	**第十二课：你在哪儿学习** **Bài 12: Bạn học ở đâu?** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về thầy cô, lớp học, ai dạy bạn môn gì… **Nội dung cụ thể** 一、 课文 （一）你在哪儿学习汉语？ （二）你们的老师是谁？ 二、生词	2		[1] [2]	- Đọc trang 98 - 109 tài liệu [1] - Đọc trang 78 – 79 tài liệu [2]
13	**第十二课：你在哪儿学习** **Bài 12: Bạn học ở đâu?** **Mục tiêu:** - Biết cách sử dụng trợ từ kết cấu “的” - Bết vận dụng cấu trúc giới	2		[2] [3]	- Đọc trang 64, 82 tài liệu [2] - Đọc trang 24, 66 tài liệu [3] - Hoàn thành: （五）练习 trang 104 - 109 tài

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	từ với từ **“在”, “给”** **Nội dung cụ thể** 三、语法 （一）怎么问（2）：疑问代词 （二）定语和结构助词“的” （三）介词“在”和“给” 四、语音 五、练习				liệu [1]
14	**第十三课：这是不是中药** **Bài 13: Đây có phải là thuốc đông y không ?** **Mục tiêu:** - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dich lưu loát bài đọc **Nội dung cụ thể** 一、 课文 （一）这个黑箱子很重 （二）这是不是中 二、生词 三、注释	2		[1]	- Đọc trang 110 - 113 tài liệu [1]
15	**第十三课：这是不是中药 (继)** **Bài 13: Đây có phải là thuốc đông y không ? (tiếp)** **Mục tiêu:** - Hiểu và biết vận dụng về câu vị ngữ hình dung từ, câu hỏi chính phản, tổ từ chữ “的” trong tiếng Trung - Luyện tập các hiện tượng ngữ pháp trên - Hội thoại về chủ đề kiểm	2		[1] [2] [3]	- Đọc trang 113 - 115 tài liệu [1] - Đọc trang 60 tài liệu [2] - Đọc trang 42 tài liệu [3] - Hoàn thành:（六）练习 trang 116 -123 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	tra đồ ở hải quan. **Nội dung cụ thể** 四、语法 （一）怎么描写和评价：形容词谓语句 （二）怎么问（3）：正反句 （三）“的”字词组 五、语音 六、练习				

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên